TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ÂN THI** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2022/HNGĐ-ST
Ngày 23 tháng 9 năm 2022
" V/v ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ÂN THI

- *Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Lương Thị Thuỷ**

Các hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Hậu** - Giáo viên nghỉ hưu

Bà **Bùi Thị Huế** - Chủ tịch Hội nông dân.

- *Thư ký phiên toà:* Ông **Nguyễn Tuấn Anh** - Thư ký Toà án huyện Ân Thi

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ân Thi tham gia phiên toà:*

Ông **Đỗ Văn Tú** - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2022, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Ân Thi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 48/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2022 về việc ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 24/8/2022 và Quyết định hoãn phiên toà số 30/2022/QĐHPT ngày 08/09/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1993 (vắng mặt)

HKTT: Thôn L, xã Đ, huyện Ân Thi, Hưng Yên

Nơi cư trú: Thôn A, xã H, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Trú tại: Thôn L, xã Đ, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên

- *Người có quyền lợi liên quan:* Cháu **Nguyễn Thị Hà G**, sinh năm 2014

- *Người đại diện cho cháu G*: Anh H

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của chị N và lời khai của chị N, anh H trong quá trình tố tụng thể hiện:

Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện có thời gian tìm hiểu khoảng một năm thì quyết định kết hôn. Vợ chồng đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ ngày 15/12/2014. Sau khi gia đình hai bên tổ chức cưới anh chị chung sống cùng gia đình anh H tại thôn L, xã Đ, Ân Thi.

Quá trình chung sống với nhau, thời gian đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc, khoảng 2 năm sau thì tình cảm vợ chồng bắt đầu rạn nứt, mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị N là do anh chị bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau. Anh H gia trưởng hay áp đặt, bảo thủ và ích kỷ. Anh H không quan tâm

chị cũng như gia đình, hay đi chơi thâu đêm. Khi chị góp ý thì anh H không nghe mà còn tỏ ra khó chịu đập phá đồ đạc. Sự việc này diễn ra thường xuyên nên gây áp lực và vợ chồng không tôn trọng nhau. Bên cạnh đó từ khi chung sống kinh tế không tập trung, anh H đi làm nhưng không bao giờ đưa tiền cho vợ hay đóng góp sinh hoạt phí với gia đình. Vợ chồng chung sống cùng bố mẹ chồng nhưng chỉ có chị gửi tiền sinh hoạt phí và trang trải gia đình bằng tiền lương chứ anh H ỷ lại không khi nào đưa cho mẹ hay vợ tiền dù vẫn đi làm. Đầu tháng 06/2021, anh H ghen tuông vô cớ và đánh chị. Sau đó anh H dắt xe và đuổi chị khỏi nhà. Vợ chồng chị sống ly thân từ tháng 6/2021 đến nay không ai quan tâm đến ai. Còn theo anh H nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do tính cách không hợp nhau thường xuyên cãi nhau dẫn đến vợ chồng ly thân không ai quan tâm ai. Nay chị N có yêu cầu ly hôn, anh cũng nhất trí.

Về con chung: vợ chồng có một con chung là Nguyễn Thị Hà G, sinh năm 2014. Vợ chồng ly hôn, cả chị N và anh H đều có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu bên kia cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Anh H và chị N không đề nghị Toà án giải quyết.

Người làm chứng là bà Hoàng Thị P - mẹ đẻ của anh H cho biết: sau khi kết hôn thì N về sống cùng anh H và gia đình bà. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có một con chung là cháu G. Quá trình chung sống hai vợ chồng hay cãi nhau, nguyên nhân mâu thuẫn là do không cùng quan điểm sống và kinh tế không tập trung. Chị N bỏ về nhà mẹ đẻ ở Hà Nam sống từ tháng 4/2021, khi vợ chồng mâu thuẫn thì bà cũng có khuyên giải nhưng mâu thuẫn hai vợ chồng không giải quyết được. Nay chị N có yêu cầu ly hôn, bà để vợ chồng tự quyết định.

Xác minh tại UBND xã Đ được biết: chị N và anh H đều có hộ khẩu trú tại địa phương và có đăng ký kết hôn tại UBND xã vào 15/12/2014. Sau khi kết hôn chị N về sinh sống cùng nhà anh H. Quá trình sống chung mâu thuẫn vợ chồng chị N và anh H như thế nào UBND xã không nắm được. Về con chung: hai vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn Thị Hà G, sinh năm 2014 có đăng ký khai sinh tại UBND xã. Chị N có đơn ly hôn, UBND xã đề nghị Toà án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, chị N chị N có đơn xin xét xử vắng mặt, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, anh H vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên H đồng xét xử căn cứ Điều 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán

Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 BLTTDS trong trình thụ lý và giải quyết vụ án.

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của H đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: H đồng xét xử và thư kỷ đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

* Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng :

- Nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Bị đơn: Đã được Tòa án triệu tập để lấy lời khai, tham gia phiên họp nhưng vắng mặt không có lý do, vi phạm khoản 15, 16 Điều 70 BLTTDS.

* Quan điểm giải quyết vụ án:

- Căn cứ vào các tinh tiết, tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 BLTTDS, Nghị quyết số 326 về án phí, lệ phí, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; đề nghị H đồng xét xử:

Về tình trạng hôn nhân: Vợ chồng chị N phát sinh mâu thuẫn chủ yếu là do tính tình không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày và vấn đề kinh tế. Chị N cho rằng anh H gia trưởng hay áp đặt, bảo thủ và ích kỷ, đi chơi thâu đêm, không quan tâm đến gia đình khi chị tham gia ý kiến thì anh H tỏ thái độ, đập phá đồ đạc đuổi và đánh chị, anh H đi làm nhưng không bao giờ dựa tiền cho vợ hay đóng sinh hoạt phi với gia đình. Bản thân anh H cũng thừa nhận giữa vợ chồng có mâu thuẫn do tính cách không hợp, thường xuyên cãi nhau, lúc nóng nên anh có đánh chị N. Sự việc diễn ra thường xuyên cuộc sống vợ chồng căng thẳng, ngột ngạt, mâu thuẫn kéo dài không được giải quyết. Đầu tháng 6 năm 2021, anh H ghen tuông vô cớ, tiếp tục đuổi đánh chị nên chị N phải bỏ về nhà mẹ đẻ ở. Vợ chồng sống ly thân nhau từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Ngày 09/6/2022, chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với anh H được nữa, nên gửi đơn ly hôn gửi tới Tòa án nhân dân huyện Ân Thi để giải quyết, anh H nhất trí ly hôn với chị N. Tòa án tiến hành hòa giải tình cảm, nhưng không thành. Do chị N cương quyết xin ly hôn và có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, còn anh H vắng mặt không lý do. Điều đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy có đủ căn cứ để xử cho chị N ly hôn anh H.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Hà G, sinh ngày 28/11/2014. Hiện cháu G đang sống cùng anh H và ông bà nội. Cháu đang học tại Trường tiểu học xã Đ. Bố mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng được ở với bố. Cả anh H và chị N đều có nguyện vọng được nuôi con chung và không đề nghị cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Xét thấy nguyên vọng của các đương sự là chính đáng và thể hiện được trách nhiệm của các bậc làm cha, mẹ. Tuy nhiên về điều kiện chăm sóc con chung của cả chị N và anh H là như nhau, nhưng để tránh sự xáo trộn trong cuộc sống và học tập của cháu G và phù hợp với thực tế. Nên giao cháu G cho anh H chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên, chấp nhận sự tự nguyện của anh H không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Chị N có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

Về tải sản chung, công sức, công nợ: Không xem xét giải quyết

- Chị N phải chịu án phí DSST theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi đã nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. HĐXX nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu giải quyết việc ly hôn với anh Nguyễn Văn H cư trú tại: thôn L, xã Đ, huyện Ân Thi, Hưng Yên và yêu cầu giải quyết vấn đề con chung. Vì vậy, quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, việc thụ lý, giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ân Thi.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1] Về việc kết hôn: Chị N và anh H xây dựng vợ chồng trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên vào năm 2017, đảm bảo các điều kiện kết hôn. Do vậy hôn nhân nhân của anh chị là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Khi một bên có yêu cầu ly hôn sẽ áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết.

[2.2] Về mâu thuẫn vợ chồng: Theo lời khai của chị N, anh H và lời khai của người làm chứng là bà Phòng thì qúa trình chung sống với nhau chị N và anh H có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, kinh tế không tập trung và thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 6/2021 không ai quan tâm ai. Do đó, có căn cứ để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống và đã ly thân một thời gian dài nhưng vẫn không hàn gắn được. Quá trình giải quyết vụ án, chị N kiên quyết ly hôn, Toà án đã nhiều lần triệu tập anh H đến để hoà giải vợ chồng, nhưng anh H đều vắng mặt điều đó phần nào thể hiện anh H không có nguyện vọng và mong muốn vợ chồng về đoàn tụ. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vợ chồng không còn muốn hàn gắn tình cảm nữa. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N, xử cho chị được ly hôn anh H là phù hợp với thực tế cuộc sống vợ chồng và phù hợp với pháp luật.

[3]Về con chung: Chị N, anh H có một con chung là Nguyễn Thị Hà G, sinh năm 2014. Vợ chồng ly hôn, cả chị N và anh H đều đề nghị nuôi được nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. H đồng xét xử thấy rằng: sau khi vợ chồng ly thân, cháu G ở với anh H, cháu G có nguyện vọng được ở với bố và bà nội để ổn định học tập nên sẽ giao cháu G cho anh H tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng đến khi thành niên để tránh sự xáo trộn cuộc sống của cháu. Chị N không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh H vì anh không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung, công nợ: các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết nên H đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị N phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 và các Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N, xử cho chị N được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn H tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thị Hà G, sinh năm 2014 đến khi thành niên. Chị N không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh H. Sau khi ly hôn, chị N có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung, công nợ, công sức: Không xem xét, giải quyết

4. Về án phí: chị N phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm dân sự ly hôn (được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà N đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004062 ngày 10/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ân Thi). Chị N đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận hoặc niêm yết bản án theo quy định.

Nơi nhận
- *VKS huyện Ân Thi;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã Đ;*
- *Chi cục THA;*
- *Lưu HS.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Thị Thuỷ